

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO CHUẨN ĐẦU RA DÀNH CHO SINH VIÊN
MÔN THI: TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẠC 3 (B1)

Đợt thi ngày 12 tháng 11 năm 2022

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI					Kết quả
									ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI	ĐIỂM BÀI THI	
1	01	TA01	Hoàng Thuận An	29/06/2002	Bắc giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0030KTE	147	130	148	137	140	B1
2	01	TA02	Khổng Tuấn Anh	22/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0037NTQ	136	123	152	149	140	B1
3	01	TA03	Trương Như Tuấn Anh	16/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0001NTQ	138	142	144	137	140	B1
4	01	TA04	Lý Hùng Đức	01/10/2001	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ 10A	20D0004NTQ	160	120	140	140	140	B1
5	01	TA05	Nguyễn Thị Hà	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0005NTQ	147	144	134	144	142	B1
6	01	TA06	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/12/002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0006NTQ	147	150	140	137	143	B1
7	01	TA07	Thân Ngọc Hải	30/09/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0007NTQ	140	140	134	144	140	B1
8	01	TA08	Giáp Thị Hạnh	20/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0009NTQ	138	150	131	149	142	B1
9	01	TA09	Hoàng Minh Hân	29/09/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0008NTQ	134	150	134	140	140	B1
10	01	TA10	Nguyễn Văn Hiệp	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0010NTQ	140	114	131	133	130	A2
11	01	TA11	Nguyễn Thị Hoa	17/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0477KTO	147	135	134	142	140	B1

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI					Kết quả
										ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI	ĐIỂM BÀI THI	
12	01	TA12	Lê Nguyễn Việt	Hoàng	06/03/2002	Hà Nam	Nam	D-NNTQ 10A	20D0012NTQ	143	150	131	133	140	B1
13	01	TA13	Nguyễn Thị	Hồng	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0013NTQ	138	142	140	144	141	B1
14	01	TA14	Trần Thị	Huê	06/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0479KTO	143	144	134	147	142	B1
15	01	TA15	Trần Thị Kim	Huê	06/03/2002	Tuyên Quang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0014NTQ	147	144	131	137	140	B1
16	01	TA16	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	29/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0481KTO	124	KXL	126	130	KXL	KXL
17	01	TA17	Tô Thị Diệu	Hương	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0482KTO	143	140	134	142	140	B1
18	01	TA18	Trần Thị	Hương	15/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0016NTQ	111	128	KXL	120	KXL	KXL
19	01	TA19	Ngô Duy	Khải	01/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0039KTE	143	102	131	127	126	A2
20	01	TA20	Hoàng Văn	Lâm	28/06/2002	Tuyên Quang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0018NTQ	147	138	134	140	140	B1
21	01	TA21	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	11/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0484KTO	140	142	131	147	140	B1
22	01	TA22	Bùi Thị	Linh	10/09/2002	Phú Thọ	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0019NTQ	150	128	131	151	140	B1
23	01	TA23	Hoàng Đại	Lộc	01/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN10A	20D0487KTO	150	125	148	137	140	B1
24	02	TA24	Nguyễn Thị Trà	My	26/10/1990	Hà Tĩnh	Nữ	D-KETOAN 10A	20D0488KTO	150	135	148	140	143	B1
25	02	TA25	Chu Thị	Nga	05/07/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0020NTQ	147	130	165	142	146	B1
26	02	TA26	Hồ Bích	Ngọc	13/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0021NTQ	150	135	148	140	143	B1

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI					Kết quả
										ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI	ĐIỂM BÀI THI	
27	02	TA27	Thân Thị Bích	Ngọc	01/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0489KTO	150	130	165	123	142	B1
28	02	TA28	Ngô Lan	Nhâm	14/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0490KTO	153	120	156	144	143	B1
29	02	TA29	Hà Văn	Nhân	10/07/1997	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0034NTQ	147	144	165	120	144	B1
30	02	TA30	Thân Thị	Nhị	09/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0022NTQ	147	130	165	149	148	B1
31	02	TA31	Đỗ Thị Hồng	Nhung	21/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0023NTQ	143	130	160	147	145	B1
32	02	TA32	Nguyễn Thị Kim	Phụng	26/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D- THUY5A	15DTY0305	153	102	144	140	135	A2
33	02	TA33	Tăng Thị	Phương	19/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0024NTQ	143	130	148	137	140	B1
34	02	TA34	Nguyễn Thị	Phượng	11/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0025NTQ	143	130	152	133	140	B1
35	02	TA35	Phạm Anh	Quân	06/08/2002	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	22D0044KTE	150	125	160	127	140	B1
36	02	TA36	Nguyễn Văn	Quát	03/10/2000	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	16D0035KTE	150	135	165	116	142	B1
37	02	TA37	Đặng Văn	Thanh	21/05/1996	Bắc Ninh	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0100	140	102	131	140	128	A2
38	02	TA38	Nguyễn Hữu	Thành	28/03/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0026NTQ	150	148	137	151	147	B1
39	02	TA39	Nguyễn Phương	Thảo	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0027NTQ	160	150	156	153	155	B1
40	02	TA40	Nguyễn Văn	Thiện	24/05/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0028NTQ	150	128	148	133	140	B1
41	02	TA41	Nguyễn Thị	Thu	20/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0029NTQ	153	144	144	144	146	B1

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI					Kết quả
									ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI	ĐIỂM BÀI THI	
42	02	TA42	Nguyễn Thị Thúy	23/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0030NTQ	150	144	148	142	146	B1
43	02	TA43	Hoàng Xuân Vũ	02/04/2002	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN10A	20D0499KTO	150	133	131	144	140	B1
44	02	TA44	Đặng Thị Bảo Yên	04/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0033NTQ	150	150	152	153	151	B1
45	02	TA45	Nguyễn Thị Hoàng Yên	23/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0032NTQ	153	128	140	144	141	B1

Ghi chú: "KXL" Không xếp loại

Số thí sinh theo danh sách: 45

Số thí sinh dự thi: 45

Kết quả thi:

Số thí sinh không đủ điều kiện xếp loại: 2

Số thí sinh đạt tương đương trình độ Tiếng Anh bậc 2 (A2): 4

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1): 39

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Thư ký Hội đồng thi

Chủ tịch Hội đồng thi
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Phương Huyền

TS. Mai Thị Huyền